

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /UBND-VX

V/v triển khai công tác trẻ em  
năm 2021 trên địa bàn tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày tháng năm 2021*

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 375/LĐTBXH-TE ngày 23/02/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em năm 2021; trên cơ sở đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 44/TTr-SLĐTBXH ngày 25/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện tốt một số công việc trọng tâm về công tác trẻ em trên địa bàn tỉnh năm 2021 như sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Luật Trẻ em, Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em, Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em, vụ việc vi phạm quyền trẻ em. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại, tai nạn thương tích.

3. Củng cố hệ thống tổ chức, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trẻ em và thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp, trong đó:

- 100% các xã, phường, thị trấn bố trí đầy đủ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong số công chức, người hoạt động không chuyên trách theo quy định tại Điều 90 của Luật Trẻ em.

- Củng cố, kiện toàn Ban điều hành bảo vệ trẻ em và Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp huyện, để giúp UBND cấp huyện kịp thời giải quyết các vấn đề trẻ em, thực hiện quyền trẻ em ở địa phương.

- Tiếp tục vận động, duy trì mạng lưới đội ngũ công tác viên thôn, làng, khu phố làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương.

- Bảo đảm có đội ngũ làm công tác xã hội bảo vệ trẻ em trong các đơn vị cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, bảo trợ xã hội công lập.

- Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp.

4. Bố trí, cân đối ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp của chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em của tỉnh, trong đó:

- Lồng ghép, đưa nhiệm vụ thực hiện quyền trẻ em, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và trong các chương trình, kế hoạch công tác của các sở, ban, ngành có liên quan.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương phân bổ và nguồn vận động dành cho trẻ em. Các huyện, thị xã, thành phố chú trọng bố trí ngân sách địa phương để giải quyết các vấn đề nóng về trẻ em; thực hiện các chương trình, đề án về trẻ em; bảo đảm duy trì các mô hình đã được triển khai tại địa phương do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ; ưu tiên bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em.

- Tăng cường vận động nguồn lực để hỗ trợ cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng (thông qua khám chữa bệnh, hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng), tổ chức hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí và hỗ trợ đồ dùng học tập, quần áo cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Tiếp tục xây dựng, củng cố, phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em. Duy trì phát triển, nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: Chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, đặc biệt tai nạn đuối nước và tai nạn giao thông; phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật, đặc biệt trong khu vực kinh tế phi chính thức; hỗ trợ trẻ em khuyết tật; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Khuyến khích, biểu dương, nhân rộng những mô hình, điển hình, những sáng kiến tốt trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và đóng góp nguồn lực cho trẻ em.

6. Tăng cường truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, đặc biệt về chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em; bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, bóc lột trẻ em; phòng ngừa tai nạn, thương tích trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Đa dạng sản phẩm và các hình thức truyền thông, giáo dục vận động xã hội để phù hợp với các nhóm đối tượng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Tư vấn, hướng dẫn cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, gia đình và truyền thông trực tiếp đến gia đình, cơ sở giáo dục, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và cộng đồng dân cư; thông tin, truyền thông đại chúng; truyền thông trên môi trường

mạng. Truyền thông, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111); hướng dẫn việc phát hiện, thông báo, tố giác hành vi, trường hợp, nguy cơ trẻ em bị xâm hại đến Tổng đài 111 và các cơ quan có thẩm quyền.

7. Thường xuyên theo dõi, thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên đề việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em, đặc biệt việc triển khai Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em. Kiểm tra, rà soát các biện pháp bảo đảm môi trường sống an toàn, phòng ngừa bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục trẻ em và tai nạn thương tích, đặc biệt đuối nước trẻ em.

8. Đẩy mạnh hoạt động phối hợp liên ngành thực hiện công tác trẻ em, giữa các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và cơ quan tư pháp trong phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc xâm hại và gây tổn hại khác cho trẻ em.

9. Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em các cấp, Tết Trung thu năm 2021 với chủ đề **“Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh”**. Tăng cường truyền thông, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó để bảo vệ trẻ em kịp thời trong bối cảnh đại dịch COVID-19 luôn có nguy cơ bùng phát.

10. Phối hợp giải quyết các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em. Tiếp tục thực hiện và nhân rộng Phong trào *“Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em”* gắn với cuộc Vận động *“Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* đến từng địa bàn dân cư; gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em, lồng ghép và triển khai thực hiện các chỉ tiêu về trẻ em, tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em<sup>1</sup> với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh.

11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố duy trì, phát triển cơ sở dữ liệu về trẻ em. Thu thập thông tin, thống kê về tình hình trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị tai nạn thương tích. Cập nhật, nâng cấp công nghệ thông tin để bảo đảm thông suốt hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em từ Trung ương đến địa phương, liên thông cơ sở dữ liệu trẻ em với các hệ thống dữ liệu có liên quan.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể có liên quan thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em giữa các cấp quản lý và chế độ báo cáo được UBND tỉnh giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em; thu thập, tổng hợp thông tin kết quả chỉ số thực hiện quyền trẻ em theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp gửi Trung ương bảo đảm kết quả đánh giá, xếp hạng về thực hiện quyền trẻ em của tỉnh được chính xác, khách quan.

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Các địa phương và các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan định kỳ báo cáo kết quả công tác trẻ em về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định (*báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25/5/2021 và báo cáo năm gửi trước ngày 20/11/2021*).

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở LĐ-TB&XH;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục 1***(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

MẪU BÁO CÁO (6 tháng và 1 năm)

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO****Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2021  
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021/năm 2022****I. Đặc điểm tình hình**

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

**II. Kết quả thực hiện**

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)
3. Công tác chăm sóc trẻ em
4. Công tác giáo dục trẻ em
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội
8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em
9. Kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em

**III. Đánh giá kết quả đạt được**

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2020
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

**IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021 hoặc năm 2022**

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

**Nơi nhận:**

-

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2**

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM**

Mẫu số

01/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- <i>Sở LĐTBXH (nguồn triển khai thông qua Sở LĐTBXH; bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh).</i>	Triệu đồng	
	+ <i>Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua Sở LĐTBXH.</i>	Triệu đồng	
	- <i>Thành phố, quận, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại cấp huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).</i>	Triệu đồng	
	- <i>Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)</i>	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	

	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên tại thôn, làng, khu phố	Người	
<b>IV</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, khu phố được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em</b>		
1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Xã/phường/thị trấn	
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	%	
<b>VII</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>VIII</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		

1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>IX</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo phê duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)